8° Indoch. Pièce 2136

PHẬT - GIÁO HỘI

ĐỊA-PHƯƠNG HƯNG-YÊN

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 20919

PHẬT - GIÁO VỚI THUYẾT LUÂN-HỒI

Bài diễn-thuyết của ông Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẤU diễn hồi 8 giờ tối ngày 15 Juin 1935 tại chùa Quốc-Công phố Bắc-hòa (Hưng-yên)

HANOI
NHÀ IN TRUNG-BẮC TÂN-VĂN
1935

8° Indochin-Pièce 2136

PHẬT-GIÁO VỚI THUYẾT LUÂN-HỒI

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R.F.
IMPRIMÉS

PHẬT-GIÁO VỚI THUYẾT LUÂN-HỒI

Bài diễn-thuyết của ông Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẤU diễn hồi 8 giờ tối ngày 15 Juin 1935 tại chùa Quốc-Công phố Bắc-Hòa (Hưng-yên)

DÉPÔT LÉGAL INDOCHINE
N° 20919

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

Thưa các cụ,
Thưa các quan,
Thưa các bà,
Thưa các ông,

Tôi được cái vinh-dự thay mặt ban Đại-biểu Địa-phương Hưng-yên nói truyện hầu các ngài, lại được các ngài chẳng quản câu truyện khô-khan và người nói truyện rất bỡ-ngỡ, hạ-cố đến chứng đông như vậy, riêng về phần tôi rất lấy làm cảm-động, không biết lấy gì tạ ơn được.

Đạo Phật là đạo vô thượng, lý-nghĩa sâu sa mầu-nhiệm, mà sức học của tôi còn kém thiếu, vậy tôi xin thú thực để các ngài thứ cho: phần riêng tôi là một kẻ thư-sinh bất-tài, đủ sức hầu truyện các ngài trong chốc lát đã là may, còn như hai chữ diễn-văn, xin nhường các bậc cao-minh hơn tôi. Lại thêm công việc bề bộn, thì giờ eo hẹp, nên chưa kịp sửa soạn câu truyện cho chỉnh-đốn, sợ có chỗ không được rõ ràng, làm cho thì giờ các ngài bớt phần lợi ích chăng!

Tôi sợ thực! .. Song vì muốn theo gương các tiền-bối, vì anh em đồng-đạo khuyên-bảo, lại cũng vì bản-nguyện « *Lợi kỷ lợi tha* » và tôi tự nghĩ: dầu tôi có vụng về, nhưng nhờ đức từ-bi của Phật ngồi trên Tam-bảo, các ngài chắc cũng thể lòng Phật mà thứ cho, nên tôi không ngại lắm, mà đánh bạo lên đây bày tỏ một vài ý-kiến, họa chăng có giúp ích được một vài phần cho nhân-tâm thế-đạo cũng là may.

Tôi xin nói về « *Phật-giáo với thuyết luân-hồi* ».

Thưa các ngài,

Mấy năm gần đây, phong-hóa có phần trụy-lạc, thức-giả ai cũng lấy thế làm lo. Về đường vật-chất rất thịnh-hành, mà xem ra về đường tinh-thần ít được mạnh-mẽ. Mà vật-chất đã thịnh lại càng cần phải có tinh-thần, thì sự hành-động của vật chất mới có nghĩa-lý. Vậy thì phải bồi-thực cho tinh-thần. tinh-thần và vật-chất có điều-hòa thì cuộc sinh-hoạt mới được tốt đẹp.

Hiện nay các học-đường là nơi đào-tạo nhân-cách, thường không chú-trọng vào khoa luân-lý là một khoa có thể tài-bồi cho tinh-thần hơn các khoa khác. Luân-Lý không những giậy bằng nhời nói, nhưng còn cốt ở sự thực-hành và ở những việc để làm gương cho người ta theo. Thế mà mỗi tuần-lễ, giậy qua một vài bài, gọi là có học, đủ trong trương-trình, nên học sinh sở-đắc về khoa luân-lý không giám nói không có, song có là bao! Lại gần đây sản-xuất biết bao tiểu-thuyết không

hay mà nhất là lắm tình-sử thương-luân bại-lý làm cho óc con trẻ lạc lối sai đường.

Ở trường đã vậy, về nhà cha mẹ phần nhiều vì cuộc sinh-hoạt khó khăn, còn bận vật lộn với đời, thì-giờ đâu săn sóc đến giáo-dục các con. Vậy thì như thuyền không lái, như tầu không kim chỉ-nam, còn biết đâu là bờ, là bến, là đường lối phải theo!

Vì vậy gần đây, phần nhiều thầy trò, cha con, anh em, vợ con, bạn bè, không còn tình mật-thiết, nghĩa chân-thật và trật-tự như mấy mươi năm về trước. Mà hiện-thời lại thêm dịch quyên-sinh, hoặc vì tình hay vì cảnh, từ Nam chí Bắc, trong các bạn thiếu niên nam, nữ. Ấy bởi vì đâu?

Vì hán-học hầu tàn, đạo Khổng ngày một mờ-ám, tây-học ít người đạt hết nghĩa-lý, nên nhân-tâm không có nơi quy-túc.

Cổ-nhân có câu: « *Do Lai Vô Đạo Bản Thông Thuyền* », tuy nay Khổng-giáo suy đồi, nhưng còn đạo Phật duy-trì trong chốn hương-thôn. Làng nào cũng có chùa, người đến chiêm-bái không phải là ít; thế mà vì đạo Phật là một đạo cao-siêu vô-thượng, nên đã mấy ai thấu hết chân-lý! Vì vậy, tuy đạo Phật rất phổ-thông, song ít người hiểu rõ căn-nguyên và những sự hành-vi của Phật là Chính-Tâm, Duyệt-Dục, Từ-Bi, Bác-Ái, để đem những sự hành-vi ấy mà thực-hành tinh-tiến.

Một cái đạo rất cao-thâm, rất phổ-thông, có ảnh-hưởng đến cuộc sinh-hoạt của ta, sao ta lại không gắng để làm cho rõ rệt đạo-lý, khiến các tín-đồ có phương-châm mà theo, mà tu xửa thân mình, cho

bớt sự khổ-não mênh-mông đã làm biết bao người chìm đắm.

Cho nên hội Phật-giáo thành-lập! Thành-lập để duy-trì phong-hóa, bồi-thực nhân-tâm và làm cho sáng cái đạo đã mờ, cho ai nấy đều biết đường xử-thế và xuất-thế, để thoát khỏi luân-hồi.

Hội tuy mới dựng, mà phong-trào chấn-hưng Phật-giáo đã lan khắp các nơi; sự phát-đạt mau chóng như thế, há không phải tấm lòng ưu-thời mẫn-thế của các hiền-nhân quân-tử, đương sôi-nổi, như một làn sóng thuận theo chiều gió trải từ nhà quê đến kẻ chợ, hay sao?

Xem như thế, thì đủ hiểu Phật-giáo có ảnh-hưởng rất quan-hệ mật-thiết tới cuộc sinh-hoạt của ta biết chừng nào!

Ấy cũng vì quan-hệ đến việc làm ăn hàng ngày của người mình mà hoặc có kẻ tưởng nhầm Phật-giáo đã làm cho dân nước ta yếu hèn. Nhưng lịch-sử có thể chứng-minh Phật-giáo không thể làm cho ta mòn yếu.

Phật-giáo vào nước ta từ thế-kỷ thứ hai (sau Tây-lịch), đến nay đã hơn một nghìn sáu trăm năm. Trải qua mấy đời Đinh, Lê, Lý đến đời Trần, là hồi Phật-giáo rất toàn-thịnh, các vua chúa rất sùng-bái đạo Phật, sai làm chùa, tô tượng, đúc chuông, xây tháp, tuyển sư thuyết-pháp, lại mấy phen sai sứ sang Tầu thỉnh kinh Tam-Tạng. Mà về mấy đời ấy, dân-khí rất hăng-hái, trong nước rất có trật-tự, đủ văn-hiến, đủ võ-công, bao phen giặc Tầu sang quấy-nhiễu đều bị binh ta đánh đuổi chạy như vịt.

Như thế, còn ai giám bảo Phật-giáo làm cho nước ta tích-nhược, tôi xin cho câu nói ấy là vô bằng của người nông-nổi.

Vậy muốn hô-hào cho Phật-giáo được phổ-cập, thì cần phải đem tôn-chỉ Phật-giáo phô-bầy cho đồng-nhân biết mà tôn theo.

Mà muốn biết tôn-chỉ của Phật-giáo, không gì hơn biết rõ thân-thế của Phật.

Muốn thành Phật, không phải chỉ tu trọn kiếp, mà phải tu-hành hết kiếp này đến kiếp khác, phải trải qua bao nhiêu những việc rất khó nhọc, gian-nan. Thế mà có người chỉ tu được đến bậc Thanh-Văn (sravaka), bậc La-Hán (arhat), bậc Độc-Giác (pratyéka-buddha) hay bậc Bồ-tát (boddhivattva) mà thôi.

Giáo-chủ đạo Phật là Thích-ca Mâu-ni, trước khi thành Phật đã là bậc bồ-tát ở tầng trời Đâu-suất.

Hoàng-hậu, vợ vua Tĩnh-phạn ở Thiên-trúc, nằm mơ thấy một vị Bồ-tát cỡi con voi trắng, từ đó thụ thai, rồi sinh ra Bạch-thái-tử tên là TẤT-ĐẠT-ĐA. Ấy là đức Phật-tổ giáng-sinh.

Ngài sinh đúng giờ mão ngày mồng 8 tháng 4 năm Giáp-dần và năm thứ 24 đời vua Linh-vương nhà Chu bên Tầu, chừng 557 năm, trước Tây-Lịch, ở xứ Xá-Già thuộc bắc-bộ đất Ấn-Độ. Xứ Xá-Già ở chân núi Hy-Mã-Lạp-sơn là một nơi biên-viễn cách Ba-La-Nại 150 cây số. Ruộng đất phì-nhiêu, dân-tình chất-phác. Kinh-đô là Ca-Tì-La (Kapilavastou).

Thái-tử mới lọt lòng ra, đi ngay bẩy bước, nói

tiếng hùng-dũng, sau mới chịu nằm như trẻ-con thường.

Hoàng-hậu sinh Thái-tử được bầy ngày thì thụ-bệnh mất. Vua cha bèn giao Thái-tử cho một thứ-phi trông nom.

Lúc còn nhỏ, Thái-tử dĩnh-ngộ, thông-minh hơn các trẻ khác. Năm 10 tuổi, văn hay, võ giỏi, vua cha rất yêu thương.

Từ ngày được mục-kích những cảnh vạn vật cực khổ trăm đường, Thái-tử lúc nào cũng âm-thầm đau đớn. Ngài có tuệ-ngộ, vẫn cho kiếp người là khổ-não, vẫn có trí xuất-gia tu-luyện để tìm đạo giải-thoát luân-hồi. Nhiều lần ngài ngỏ ý cùng phụ-vương, nhưng phụ-vương không nghe bảo rằng: « Nếu con xuất-gia thì ai nối ngôi cha? » — Bởi lòng hiếu thảo, ngài không giám trái-ý phụ-vương.

Phụ-vương làm lễ trao ấn thất-bảo, lập ngài làm Thái-tử và sợ ngài xuất-gia tu-hành, nên sai bầy các cuộc vui cho ngài giải-trí, lại cấm không được để ngài thấy sự gì buồn khổ.

Năm 17 tuổi, ngài lấy bà Da-Du phu-nhân, năm 19 tuổi, sinh con là La-Hầu-La.

Sau khi đã sinh con trai, đã có người nối ngôi báu, ngài lại nghĩ tới việc tu-hành.

Sinh trưởng ở chỗ nhàn rỗi, xa-hoa, khiến ngài càng thêm chán-nản, lại gặp cơ-hội như dục ngài tu đạo.

Mấy lần ngài ra chơi ngoài thành, đều gặp những việc thương tâm: nào sống, nào chết, nào già, nào ốm, lần cuối cùng gặp một thầy tu nói rõ cái đạo

chân-chính. Đứng trước cái trạng-huống sinh, lão, bệnh, tử, ngài thấy sự thống-khổ ở đời, trong lòng xúc-cảm mà quyết-chí đi tu, để tìm cái nguyên-nhân thống-khổ và phương-pháp thoát khổ, để tế-độ cho chúng-sinh.

Ngài không nghĩ gì đến giang-sơn mà nghĩ kế xuất-gia tu đạo. Nhân một bữa đại-yến trong cung, lính tráng say sưa, canh-phòng chểnh-mảng, ngài sai đứa hầu ngựa đóng ngựa cho ngài đi ra phía cửa Bắc. Ngài đi thẳng vào cái rừng gần đấy gọi là Khổ-Hạnh-Lâm, cắt tóc vứt xuống suối, đổi quần áo, cho tên hầu ngựa về tạ phụ-vương, còn mình đi tìm đại-đạo. Phụ-vương sai các quan đại-thần đi tìm ngài về. Ngài lập chí nhất quyết không về.

Thái-tử tu trong rừng sâu, nhập-định dưới một gốc cây to, không động đậy, tựa như một vật vô-tri, vô-giác, mỗi ngày chỉ ăn một hạt vừng và một hạt gạo. Nhập-định nghĩa là ngài đã đọc thông 64 bộ sách và hàng ngày suy xét mà vẫn không hiểu thấu những sự huyền-bí của Tạo-hóa, cho nên tĩnh-tọa mà suy nghĩ cho đến cùng. Khổ-hạnh như thế trong sáu năm trời, thân hình tiều-tụy mà vẫn không tìm ra chính-đạo. Thái-tử bỏ chốn rừng xâu đi nơi khác.

Ba bận, ngài vào đầu bàng-môn. Ở Trung-sơn, học đạo ba năm, thấy đạo không thực, bèn bỏ đi học đạo A-Lam và Già-Lam. Học được hai năm, vì không thấy tôn-giáo rõ ràng, lại bỏ đi học Úy-Đầu-Lam một năm. Ngài thấy đạo này, còn phải sinh tử, bèn than rằng: « Không gặp thày giỏi, không

gặp đạo hay, biết tìm phương nào bây giờ? » — Nhưng cổ-vân có câu : « Người có thiện-nguyện thì trời cũng cho được như ý ».

Có sách chép rằng: một hôm, ngài thấy thần đến bảo rằng : « Ở Đông-thổ, có đức Kim-thuyền hiệu là Nhiên-Đăng, ngài đến học, sẽ được phép vô-cực an-định chí-đạo, nên đến núi Tùng-sơn mà tìm sẽ gặp».

Thái-tử không sợ khó-nhọc, nhẫn-nại tìm đến núi Tùng-sơn. Gặp được thầy, thầy trò tương đắc. Đức Nhiên-đăng giảng đạo 13 ngày, giảng đến Vô-cực, Thái-cực, Tính-mệnh, Âm-dương, tự nhiên ngài biến-hóa thông-minh, sáng-suốt am hiểu cả và biết A-di-đà Phật.

Thế là ngài đắc đạo, nghĩa là hiểu thấu hết cả những sự huyền-bí, giác-ngộ được bốn bực « Thiền-Định » :

1. Biết hết các công việc kiếp trước ;

2. Trừ-khử các ý xấu trong lòng và trông rõ mọi việc ;

3. Lý-hội được « Thập-nhị nhân-duyên » bó buộc chúng-sinh trong vòng luân-hồi ;

4. Tìm được bốn điều giải-thoát khỏi vòng sinh, tử.

Năm ấy, ngài 30 tuổi. Đắc đạo rồi, ngài xin về. Đi qua Tứ-thủy, đến Ni-sơn và Tây-hưng, thuyết-pháp, tự hiệu là Thích-ca-Mâu-ni. Thích-ca nghĩa là có nhân, Mâu-ni nghĩa là tĩnh mịch.

Ngài về Xá-vệ-thành (Sâvatthi), Vương-xá-thành (Rajagriha), Ba-la-nại (Bénarès), thuyết-giảng đạo pháp, chăm dậy các tín-đồ. Vì vậy tín-đồ mỗi ngày một đông, có tới hơn 5.000 người. Được 6 năm, thì

về Ca-tỉ-la để độ cho phụ-vương Tĩnh-Phạn và thân thuộc.

Về sau, ngài hay đi lại ở Xá-vệ-thành, ở Trúc-viên (Vénouvana), ở Linh-thứu-sơn, (Grudhrakouta), thuyết-pháp khắp vùng trung-lưu sông Hằng-hà.

Được 49 năm thì diệt-độ và vào Nát-bàn. Thế là ngài hưởng thọ 82 tuổi.

Phép-tắc đều truyền cho đức Gia-Diếp, đức Gia-Diếp lại truyền cho đức A-Nan, rồi đời đời truyền cho các tổ.

Lên tới cõi Nát-bàn như thế, Phật đã tu-luyện trải bao nhiêu kiếp, gian-nan khổ-hạnh, hết đời nọ đến đời kia, nên đến kiếp này nhờ có nhiều thiện-nghiệp mà tu thành chính-quả.

Phật đã đắc đạo, hiểu thấu hết các sự huyền-bí của tạo-hóa, biết hết các công việc kiếp trước, một ngày kia nói với đệ-tử là A-Nan về tiền-thân của ngài. Xem một truyện ấy, ta có thể biết rằng : muốn được giải-thoát ra ngoài luân-hồi, không phải là việc dễ, không phải là người thường ai cũng có thể làm được.

Vua La-Đô nước Ba-La-Nại sinh được ba hoàng-tử, đều phong cho làm vua ba nước ngoài. Bốn cha con cùng nhân-đức hiền-hậu.

Thời bấy giờ, một vị đại-thần là La-Hầu đem lòng phản-nghịch, dấy bốn đạo quân, vây đánh nước Ba-La-Nại giết chết vua cha, rồi lại kéo quân chàn sang ba nước của ba Hoàng-Tử. Đánh được Hoàng-Tử thứ nhất và thứ nhì, lại sắp quân đánh nước thứ ba. Hoàng-tử nước này đã

sinh được một con là Tu-Đô-Đề, mới lên bẩy tuổi.

Thần Cung-Điện báo tin cho ông vua thứ ba rằng: « Nhà vua có biết không? Ngươi La-Hầu sinh lòng phản nghịch, đã giết vương-phụ La-Đô cướp lấy ngôi, lại giết hai vương-huynh rồi, nay sắp sang đánh nhà vua đấy! Sao nhà vua không chạy ngay đi? »

Vua thứ ba thấy thần nói thế, trong lòng phiền-não, tâm-can uất-ức, ngất đi một lúc, tỉnh ra lại ngửa mặt lên trời mà hỏi rằng: « Nhà ngươi là ai? — Chỉ nghe thấy tiếng mà không trông thấy hình, những nhời ngươi vừa nói, có quả thực không? »

Thần Cung-điện đáp lại rằng: « Ta là thần Cung-điện thấy nhà vua thông-minh nhân-đức, nên ta báo trước để nhà vua biết mà chạy ngay đi, mới có thể thoát nạn được ».

Vua thứ ba vào cung, tự nghĩ rằng: « Ta phải chạy sang nước láng-giềng. Gần nước ta, có hai nước, một nước đi bẩy ngày mới tới, còn nước thứ hai cách nước ta những mười bốn ngày, ta trốn sang nước thứ nhất cho chóng ».

Rồi vua mang bẩy ngày lương ra ngoài thành, đi rồi lại trở lại, gọi Thái-tử Tu-đô-Đề, ôm đầu Thái-tử mà khóc. Hoàng-hậu thấy vậy, mới hỏi nhà vua: « Bệ-hạ hình như sợ-hãi chẳng yên, chắc có việc phi-thường, xin bệ-hạ cho thần-thiếp hay ». — Vua đáp: « Ta có việc khẩn-yếu, không sao cho Hậu biết được ».

Hoàng-hậu thưa: « Thần-thiếp cùng Bệ-hạ như

chim đôi cánh, như mình hai chân tay, như đầu hai mắt, sao bảo rằng không quan-hệ ? »

— Ngươi La-Hầu sinh lòng ác-nghịch, đã giết vương-phụ cùng hai vương-huynh, nay lại sắp đem binh mã sang đánh ta ». — Vua nói song, ôm Thái-tử Tu-đô-Đề lên đường chạy trốn.

Hoàng-hậu cũng đi theo.

Không may vua cùng Hoàng-hậu nhầm đường phải đi 14 ngày. Đến ngang đường, hết lương, mà chung quanh chỉ những rừng xanh, núi đỏ. Vua và Hoàng-hậu cùng kêu khóc mà than rằng: « Khốn nạn thay! Từ khi sinh ra đời, chưa bao giờ phải khổ-sở như ngày nay ! », rồi lại bật đầu, bật tai, lăn khóc mà nói rằng: « Không biết đời trước, chúng ta đã làm điều gì ác-nghiệt, mà nay phải chịu cái khổ này ! »

Nhà vua ngất đi một lúc, lại tỉnh lại, tự nghĩ rằng : « Không tính làm phương-tiện, thì ba người cùng chết đói cả, đành lòng ta giết Hoàng-hậu, để nuôi ta và Thái-tử vậy ».

Nghĩ vậy, vua cầm giao, định giết Hoàng-hậu. Thái-tử Tu-đô-Đề thấy vua cầm giao muốn giết mẹ, bèn chạy lại đỡ lấy tay vua, hỏi rằng : « Vương-phụ định làm gì thế ? »

Vua vừa kêu, vừa khóc mà bảo Thái-tử rằng : « Ta định giết mẹ mày, để lấy thịt ăn cho sống mình ta và mày, nếu không sẽ chết cả ba ».

Thái-tử Tu-đô-Đề tâu vua rằng : « Vương-phụ giết mẫu-hậu, khi nào con giám ăn thịt. Sao vương-phụ không cắt thịt con để nuôi vương-phụ

và mẫu-hậu? Nhưng xin vương-phụ đừng giết con vội, cứ ngày ngày cắt lấy ba cân thịt chia làm ba phần, hai phần vương-phụ và mẫu-hậu ăn, còn một phần con ăn, thì con sẽ không chết ngay ».

Vua và Hoàng-hậu đành phải theo nhời Thái-tử, mỗi ngày cắt ba cân thịt chia làm ba phần cùng ăn.

Ước còn hai ngày nữa mới tới nước láng-giềng, thời mình Thái-tử chỉ còn gân xương mà vẫn chưa chết, nhưng không đi được. Vua và Hoàng-hậu sót thương, kêu khóc, than rằng: « Đường chưa đến mà con chết ở đây, thà rằng chết cả cho xong! »

Thái-tử Tu-đô-Đề mới sẽ thưa rằng: « Đường còn một hai ngày nữa đã tới, xin vương-phụ và mẫu-hậu lọc nốt thịt mà ăn, có thể tới nơi được.»

Vua và Hoàng-hậu cũng phải nghe nhời, lọc lấy thịt, ăn xong, rồi kêu khóc mà đi.

Thái-tử thấy cha mẹ đi xa rồi, bèn nằm quay ra đấy, máu thịt hơi bay ra, các giống ruồi muỗi ngửi thấy mùi thơm đều bay lại mút ăn khắp cả mình mẩy.

Bấy giờ Thái-tử chưa chết thực, thề-nguyện rằng: « Bao nhiêu tai-ương đời trước, từ đây trừ hết. Mình ta đã cúng giàng cha mẹ, nguyện xin cha mẹ được vạn sự cát-tường, còn những huyết-nhục mình ta, thì cho các giống ruồi muỗi ăn mút cho no, khiến ta đời sau được thành Phật-đạo. Hễ được thành Phật, nguyện lấy phát-thực, tế-độ cho chúng-sinh đương đói-khát, sống, chết, bịnh, già».

Lúc Thái-tử phát-nguyện thì trời, đất, lục-chủng chấn-động, mặt trời không có tinh-quang, kinh-động cả mọi giống cầm-thú đến cả thao-lị chư-thiên đều cùng chấn-động.

Thời bấy giờ, vua Thích-đế Hoàn-nhân muốn dọa Thái-tử Tu-Đô-Đề, bèn hóa làm loài sư-tử, hổ-lang, nhăn răng, nhẩy nhót, gầm thét, muốn bắt Thái-tử ăn thịt.

Thái-tử Tu-Đô-Đề sẽ nói rằng: « Có muốn ăn thịt ta, cứ việc mà ăn, hà tất phải dọa ta ? »

Đức Thiên-đế-thích mới nói rằng: « Ta chẳng phải giống hổ-lang, sư-tử, ta là Thiên-đế-thích, ta lại thử ngươi ».

Thái-tử được thấy đức Thiên-đế-thích mừng rỡ vô cùng.

Đức Thiên-đế-thích mới hỏi Thái-tử rằng: « Cái việc khó làm, mà nhà ngươi làm được, thân-thể huyết-nhục cúng giàng cha mẹ. Công-đức như thế thì muốn làm Thiên-vương, Ma-vương, Phạm-vương, Nhân-vương hay là làm Chuyển-luân Thánh-vương ? »

Thái-tử trả nhời: « Tôi không muốn làm những vị ấy, tôi muốn cầu đạo vô-thượng chính-chân để siêu-thoát cho nhất thiết chúng-sinh ».

Đức Thiên-đế-thích nói rằng: « Ngươi sao ngu lắm mấy! Đạo A-Nậu Đa-La Tam-Diểu Tam Bồ-Đề, phải chịu nhiều cần-khổ, rồi sau mới nên được. Ngươi có chịu được như thế không ? »

Thái-tử thưa rằng: « Ví khiến lấy vòng sắt nung đỏ, để lên đầu tôi, tôi cũng vui lòng tu vô-thượng-đạo ».

Đức Thiên-đế-thích bảo rằng : « Nói thế thì lấy gì làm tin ? »

Thái-tử lập ngay nhời thề-nguyện mà nói rằng : « Nếu tôi nói dối Thiên-đế-thích thời mình tôi, các chỗ đau không bao giờ khỏi. Nhược bằng, tôi không nói dối, thời cho mình tôi bình-phục như cũ. »

Thái-tử thề song tức thời thân-thể bình-phục như cũ mà hình-dung đoan-chính bội thường. Thái-tử đã được thân-thể như cũ, đứng ngay giậy, lễ tạ đức Thiên-đế-thich.

Đức Thiên-đế-thích khen rằng : « Thiện tai ! Thiện tai ! Ta chẳng bằng ngươi. Ngươi phải mãnh-dũng, tinh-tiến tu-hành, ắt thành vô-thượng chân-chính-đạo. Sau có được nên đạo ấy, thời xin trước giúp cho ta ». — Nói song, đức Thiên-đế-thích ở trong chốn không-trung biến lên trời.

Bấy giờ, Vua và Hoàng-hậu đã đến nước lân-quốc, kể tình đầu cho vua nước ấy nghe. Vua nước ấy cảm thương Thái-tử, tức thời dấy bốn cánh quân (tượng-binh, mã-binh, thủy-binh, bộ-binh) đi đánh La-hầu.

Về gần đến chỗ Thái-tử, vua cha tự nghĩ rằng : « Con ta hẳn chết rồi. Ta qua tìm lấy xương, mang về đất nước nhà chôn cất cho được tử-tế. » Vừa nghĩ thế, xa trông đã thấy Thái-tử thân-thể như cũ, hình-dung đoan - chính bội - thường, bèn đến ôm đầu, mừng rỡ, hỏi Thái-tử : « sao lại được sống lại như thế ? » — Thái - tử kể truyện cho vua nghe. Vua và Hoàng-hậu mừng rỡ không biết ngần nào, rồi cùng cưỡi lên voi đi về bản-quốc.

khôi-phục lại giang-sơn, rồi lập Thái-tử Tu-đô-đề lên làm vua.

Đức Thích-ca kể song truyện, mới bảo ông A-Nan rằng:

— Thời bấy giờ, vương-phụ hiện nay là cha ta là Duyệt-đầu-Đàn, Hoàng-hậu hiện là mẹ ta là Ma-gia, — mà Thái-tử ấy là ta.

* * *

Xem như thế thì những công việc mình làm kiếp trước rất có ảnh-hưởng đến kiếp sau nhiều lắm. Người làm điều lành, điều phải, lại gặp những sự hay, mà làm ác lại gặp những điều chẳng lành, đó là cái công-lệ chung của tạo-hóa, vạn vật, không vật nào tránh khỏi, dù là thần hay là thánh cũng vậy, chỉ trừ khi thành Phật, cái nghiệp ấy mới tiêu đi.

Nghiệp là gì? — Tức là nghiệp báo. Xấu hay tốt, dữ hay lành, mình làm ra, rồi tự mình được hưởng hay chịu lấy. Có hai thứ nghiệp: Thiện-nghiệp và Ác-nghiệp, do bản-thân gây từ kiếp trước vậy.

Cho nên nhiều kẻ rất tàn-ác, mà được giầu sang, là vì kiếp trước đã gây được cái nghiệp tốt, cho nên được hưởng hết cái nghiệp ấy, rồi kiếp sau mới phải chịu cái nghiệp ác đã gây ra ở kiếp này.

Trái lại, có nhiều người hiền-lành trung-hậu mà phải chịu nhiều điều cực khổ là vì kiếp trước đã làm nhiều việc tàn-ác, để lại cho kiếp này cái nghiệp xấu phải chịu, còn nghiệp tốt gây ra ở kiếp này, lại chờ đến kiếp sau mới được hưởng.

Ta đã tin có cái nghiệp và có sự báo-ứng, ta sẽ làm điều lành, tránh điều ác, dẫu không giám mong

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

thành Phật, được giải thoát ra ngoài luân-hồi, song ta có thể trả được cái nợ ta vay kiếp trước và gây lấy nghiệp tốt cho kiếp sau, để kiếp sau nhẹ nợ, khỏi phải gian nan.

Bởi thế nên người xưa gặp nhiều việc trái lương-tâm, vô-đạo, tự mình có thể lấy sức, lấy quyền làm được, hoặc trong khi mờ tối, lúc vắng người, riêng mình mình biết, ngoài còn ai hay, thế mà không dám làm, là vì sợ cái nghiệp báo về sau.

Vậy thì luật luân-hồi là luật cốt-yếu của đạo Phật. Luân-hồi tức là nhân-quả; nhân nào thì quả ấy, không có sức gì, quyền gì thay đổi được. Cho nên muốn cứu vớt chúng-sinh, phép Phật cốt làm cho chúng-sinh giác-ngộ cái lẽ tự-nhiên ấy và cư-xử sao cho hợp lẽ.

Muốn tế-độ chúng-sinh, Phật lấy Lục-độ làm phương châm. Độ nghĩa là cái đò cứu vớt chúng-sinh, vượt qua bể khổ.

Lục-độ gồm có sáu điều cần-thiết để người đời theo mà gây lấy nghiệp tốt cho kiếp sau. Ấy là :

1. Bố thí. — Bố-thí là đem tiền của giúp kẻ nghèo khổ, tức là *tài-thí*, hoặc đem tài-trí quyến-hóa người ta làm điều lành, điều phải, ấy là *pháp-thí*. Thế là mình bỏ được bụng tham để làm cho kẻ khác được vui vẻ, hoặc đem lòng ngay chính mở rộng đường trí-tuệ cho người không biết.

Sự bố-thí cứ tùy sức mà làm, bao nhiêu điều nghĩ nhầm sẽ dần dần tiêu tán mà tính mình sẽ như mặt trăng, mặt gương sạch hết bụi thâm. Nhưng sự bố-thí muốn gây được nghiệp tốt, cần

phải thực-hành theo lòng từ-bi bác-ái, người làm không có ý khoe khoang, không cầu danh, cầu lợi.

2. Trì-giới. — Trì-giới ngăn người ta làm điều ác, khuyên người ta phải giữ gìn ngũ-giới là :

a) *Bất-sát* : Không nên tàn-hại giết chết các loài chúng-sinh, cho mọi vật được sống trọn kiếp của nó. Thế là Phật giậy không nên tàn-sát, chứ Phật không ngăn cấm việc giết các chúng-sinh, nói rộng ra vì phép nước cần phải giết người thì giết, mà nếu không phải vì phép vệ-sinh, hay để nuôi sống người thì không nên giết các loài-vật.

b) *Bất đạo* : Không ăn trộm, ăn cắp, không đem lòng tham mà lấy của người, tức những kẻ ỷ quyền, cậy thế hà hiếp người ta, dọa nạt mà bóc lột người ta, lừa đảo để người ta phải khuynh gia bại sản hoặc bằng mưu gian, chước dối, hoặc vì quân bài lá bạc.

c) *Bất-dâm* : Không nên trăng hoa, gian dâm để cuộc xã-giao không thể gây ra nhiều điều đắng cay chua xót, thì ai nấy được yên vui mà hưởng lạc-thú gia-đình.

d) *Bất vọng-ngữ* : Bất vọng-ngữ là không nên lừa đảo dối dá, không vu oan giá họa cho ai, làm việc gì cũng phải lấy lòng thành thực không bịa đặt ra điều nọ truyện kia, không ăn không, nói có. Việc công cũng như việc tư, bao giờ cũng giữ lời đã nói, dẫu trời nghiêng, đất chuyển cũng không sai nhời. Đã không dối dá thì tất dữ được lòng thành tín.

d) *Bất ẩm tửu:* Không nên uống rượu, vì rượu làm cho người ta loạn bổn tính, không giữ được cái tinh-thần sáng suốt, dù thiện-tính của mình bền đến đâu cũng hỏng hết, rồi có khi sinh ra tai-vạ, như tàn-sát, trộm cắp, tà-dâm, dối-dá, hại đến người khác được.

Trong *ngũ-giới* thì dâm, đạo, vọng, sát là tứ-trọng tức là bốn tội nặng, còn răn uống rượu là sợ loạn tính mà làm những điều tứ-trọng ấy.

Thế là Trì-giới khuyên người ta phải theo ngũ-giới để làm những điều hay điều phải.

Đã bố-thí thì bỏ được sự *tham*, nhưng còn ba điều *sát, đạo, dâm* là cỗi gốc làm cho người ta phải khổ-não.

Nếu mình không giới sự dâm-dục thì lòng *yêu, muốn*, in sâu vào sương cốt không sao ngăn được mà sẽ phạm nhiều việc thương luân bại lý đáng thương tâm.

Không răn sự *sát, đạo* thì kẻ này thiếu, người kia đền. Ngày nay ta ăn không của kẻ này, ngày mai kẻ khác lại ăn không của ta. Ngày nay ta vỗ nợ của kẻ này, ngày khác kẻ khác lại vỗ nợ của ta. Như vậy, vay vay, trả trả, như keo gắn không thôi, thì biết bao giờ khỏi vòng khổ não.

Không chừa rượu, tâm thần ngày càng mê loạn.

Không răn nhời nói càn, tính mình ngày một sinh cuồng, khó lòng sửa đổi.

Những người tu đạo, thời thời thường thấy bản tính của mình. Đã nhận được tính, không cứ trai

hay gái, sẽ không tưởng sự ái, dục nữa, tính sẽ ưa tĩnh mà sự tham luyến không hề có.

Như vậy bao nhiêu những sự rối-rít trên thế-gian đều lấy tinh-tiến lực-hành mà dần dần gỡ ra mối cả, thế mới gọi là Triệt-để trì-giới vậy.

3. Nhẫn-nhục. — Nhẫn-nhục là khuyên người ta không nên tức giận nóng nẩy, phải biết nhẫn-nhục. Có hai thứ nhẫn-nhục: Một là *sinh-nhẫn* là phải phấn đấu với các sự khó khăn ở đời, không vì tức dận mà chửi mắng, đánh đập, thù oán người ta. — Hai là *pháp-nhẫn* là gập sự lo buồn, mình cứ nhẫn không hề nói cho ai hay, không hề oán dận ai, tự mình cứ chịu sự lo buồn trong tâm, trong trí. Muốn nhẫn nại, cần phải bỏ sự dận-giỗi. Người ta dận-giỗi đều theo tính mình mà sinh ra. Nếu gập điều gì không thuận lòng mình, thì sinh ra hờn dận. Cho nên cần phải coi lòng mình như bể nhớn mà cho danh-lợi là sự hư vọng, như thế mới bớt được sự dận-giỗi.

Xưa đức Phật Thích-ca bị ông Ca-lợi-Vương tức là Ác-vương cắt từng đốt xương, sẻ từng tý thịt mà ngài không hề dận chút nào, là vì ngài cho lòng ngài như bể nhớn, ngài cho hết thẩy người đánh, mắng ngài, cắt, xé ngài, ngài cũng không tổn một mẩy nào. Cứ như vậy thì ở đời việc gì cũng nhẫn nại được: cho nên gọi là nhẫn-nhục.

4. Thiền-định. — Thiền-định nghĩa là tĩnh-lự, bỏ sự tán loạn, thu tâm liễm niệm, chú vào một việc gì. Thiền-định khuyên người ta phải định trí, cứu vớt những kẻ hôn táng nghĩa là mờ-mịt và đãng trí.

Nếu không bỏ được sự tán loạn, thì muốn khỏi luân hồi, sao được ? Tính ta vốn không giao-động mà luân-hồi không dừng, là bởi sức gió xui khiến. Người ta là do bốn chất nhớn gọi là Tứ-đại hợp thành : Bền chặt làm đất, (xương, thịt, gan, tim vân vân), tư nhuận làm nước (máu, khí), động giao làm gió (hơi thở), nóng ấm làm lửa. Lúc chết, bốn chất nhớn ấy đều tan cả, gió, lửa không có hình, nên lúc tan, ta không thể thấy được. Đất, nước có chất, nước cạn thì xương trắng hóa làm đất. — Bốn chất nhớn ấy tuy ở trong mình ta mà không phải của ta, chính của đời. Nên lúc còn sống, ta không cần phải quan-tâm đến lắm. Trong bốn chất nhớn ấy, duy có gió là thường giao động, rất khó chống, cho nên trong lòng vẫn bởi sức gió quạt lên mà không sao yên tĩnh được, lửa lòng càng quạt càng nồng là vì thế vậy.

Làm thế nào mà bỏ được cái chất nhớn ấy, thì trí khôn của mình mới theo định-tĩnh mà mở-mang, cho nên có câu : « Định sinh tuệ », là thế.

Đức Phật tu đạo Tam-muội mà thần thông cũng bởi tĩnh-lự. Trí ban ngày không tan, ban đêm không mờ, tinh sáng tự trong soi suốt, ấy là thiền-định.

5. TINH-TIẾN. — Tinh-tiến khuyên người ta cố gắng hết sức mà làm điều thiện. Tinh-tiến có hai thứ : *Thân tinh-tiến* là thân mình chịu khó nhọc để chăm lo làm điều lành, điều phải ; — *Tâm tinh-tiến* là đem hết tâm-trí ra làm điều thiện, dù gặp sự khó khăn đến đâu cũng không nản lòng thoái trí.

Tinh-tiến để cứu vớt kẻ biếng nhác trễ nải. Phải siêng năng thành-thực mới gây được nghiệp tốt. Nếu không thế thì cũng như người đắp núi chín từng, mà thiếu một sọt đất, cũng không thành quả núi. Kim rơi xuống bể còn có thể mò được, nếu thân mình lầm lỡ, khó hơn đáy bể mò kim. Cho nên nghĩ đến điều ấy, ta nên cố sức làm điều thiện. Thế gọi là tinh-tiến.

6. Trí-tuệ. — Trí-tuệ là soi rõ hết thẩy trong thế-gian và thông-đạt hết các lẽ.

Trí-tuệ và thông-minh khác nhau xa.

Trí-tuệ là bởi bản-tâm sinh ra, thuộc về sự Tri-giác chính-đính.

Thông-minh có sinh, diệt mà trí-tuệ không sinh, diệt bao giờ. Trí-tuệ bao quát rất rộng, nhưng khi thành hiệu, nhiều ít khác nhau. Người đã gây được trí-tuệ, mỗi ngày một suy rộng, rồi sau khám phá ra không có chừng. Đã hiểu rõ cả sự khổ trong tam giới, mới biết nhân quả ba đời : Tiền-sinh, kim-sinh và hậu-sinh.

Nhiều người, tầm con mắt rất hẹp, chỉ chăm chăm thụ dụng tạm thời, chỉ miệt mài trong vòng danh lợi, dầu phải làm việc càn bậy đến đâu để cầu, cũng chẳng từ nan. Như vậy dẫu đem cái khổ kiếp luân-hồi mà chỉ dẫn, cũng không sao đưa được họ ra ngoài bến mê.

Trí-tuệ hơn hết cả lục độ. Đã có trí-tuệ thì bố-thí không hối gì, — Trì-giới hẳn bền chặt, — Nhẫn-nhục không phải gắng gượng, — thiền-định không phải tán loạn, — tinh-tiến suất tự nhiên.

Phật lấy trí-tuệ làm phép trị tâm. Đã có trí-tuệ

thì soi rõ khắp thế-gian, mà kiếp vô tận, hoặc đằng trước, đằng sau đều tan cả.

Phép tu của đạo phật rất nhiều, rất rộng, nhưng cốt yếu ở lục-độ và ngũ-giới.

Đem những điều ấy ra ứng-dụng với đời, dẫu chưa dám mong giải thoát, nhưng cũng có thể gây thành nghiệp tốt để kiếp sau được nhẹ nợ. Nhưng muốn cho ai nấy làm nhiều điều từ-thiện, không làm những điều gian ác thiệt hại cho người, cần phải nói rõ sau khi ta sống kiếp này, có thể sang ngay kiếp khác được không? — Nếu cái kiếp luân-hồi mà chỉ gồm có sinh tử, tử sinh, thiết tưởng ít ai đã nghĩ đến những điều tiêu-cực và tích-cực để đắp thành nền đức.

Ta nên biết rằng: theo đạo Phật sau khi người ta chết đi, tùy theo thiện, ác, sẽ được sang kiếp khác ngay, hoặc còn phải chịu hình phạt của Thập-điện Diêm-vương, mà ta gọi nôm là địa-ngục, rồi mới được làm kiếp người hoặc đầy làm kiếp vật. Vậy thì địa-ngục là gì?

Theo thuyết Phật, thì trong thế-gian chia làm tam giới: Thiên-giới, dương-giới và âm-giới. Trong tam-giới lại chia làm lục-đạo:

1.) Thiên tức là ba mươi ba thiên-cung;

2.) Nhân tức là người;

3.) Tu la tức là hung-thần;

4.) Ngã quỷ tức là ma đói, ma khát;

5.) Súc sinh tức là các loài súc vật;

6.) Địa-ngục là những nơi nóng quá, rét quá ở dưới âm-ty.

Địa-ngục chia làm mười điện, gọi là thập điện Diêm vương.

Trong các chùa ta thường thấy khắc nhiều tượng các cung-điện, vua chúa, quỷ sứ và hình phạt, khiến cho ai nấy phải rùng mình, ghê sợ mà nhất những kẻ ngu-phu, ngu-phụ trông thấy thế cũng phải giảm phần độc ác: những hình tượng ấy có lợi cảm-hóa ngay được người vô học hơn nhời thuyết-pháp. Nhưng có hình-tượng ấy tất nhiên phải có nguyên ủy. Vậy tôi xin nói rõ công việc của thập điện, tại sao sinh ra các hình phạt, tội-trạng từng thứ thế nào và làm thế nào thoát khỏi các ngục-thất ở âm-ty.

Cũng như dương-dan, địa-giới có các Tòa để sử các tội-nhân. Có tất cả mười Tòa gọi là Thập-điện thẩm-quyền khác nhau.

Điện thứ nhất

Điện này ở mé đường tối, phía tây suối Hoàng-tuyền, ngoài hòn đá Ốc-tiêu, bề Đại-hải.

Vua Tần-quảng-Vương chuyên giữ sổ sách, sống, thác, thọ, yểu trên thế-gian, gồm cả việc u, minh, lành, giữ và phán bảo quỷ sứ.

Phàm những người ở thiện tới khi hấp hối có tiếp dẫn cho kiếp trước. Hoặc đàn ông, đàn bà, đã có công chuộc lỗi, san sẻ bằng nhau, đều được giao sang điện thứ mười, buông tha cho đầu thai làm kiếp người, hoặc con trai chuyển làm con gái hoặc con gái chuyển làm con trai, cân nhắc giầu, sang, nghèo, khổ để báo-ứng cho kẻ ở lành gặp lành, ở ác gặp ác.

Còn người nào ác nhiều, thiện ít, đều bị bắt

giam vào đền Cao-đài, trước điện gọi là đài Nghiệt-Kính. Đài cao một trượng (tức là bốn thước tây), gương to mười ôm, hướng về phương đông, trên có cheo bức hoành bẩy chữ « Nghiệt-Kính-Đài Tiền Vô Hảo Nhân » nghĩa là « người không tốt ở trước đài Nghiệt-Kính ».

Những vong-hồn đại hung ác bị áp giải đến trước đài, để soi cho biết ruột gan nham-hiểm khi ở trên trần-thế. Khi đã soi rồi, bị giải sang điện thứ hai chịu tội phát ngục.

Ấy sống trên trần làm nhiều điều tàn khốc, chết đi phải chịu sự thảm khổ chốn địa-ngục. Lúc bấy giờ mới biết :

« Nghìn vàng mang chẳng được nào,
« Nếu mình cay nghiệt mắc vào oan khiên. »

Lại có lắm kẻ không nghĩ đến công cha, nghĩa mẹ, coi sự sống làm thường. Không kể cái chết của người trung, hiếu, tiết nghĩa là cái chết thiêng liêng có thể trở nên thần, nên thánh, còn vì tủi duyên, hờn phận, vì dận-giỗi, vì sợ liên can đến việc phi-pháp, việc đời còn nhiều, nợ đời chưa trả, chưa đáng chết, mà tự tiện dùng thuốc độc, dùng giây thắt cổ, hoặc deo mình xuống nước để quyên-sinh, vong hồn sẽ bị giải về bản điện giam vào các chỗ đói khát, hoặc bẩy mươi ngày, hoặc một, hai năm, rồi chuyền giao cho điện thứ hai tra xét có công hay có lỗi. Nếu tội nặng lại giao sang các điện khác, bỏ ngục chịu tội. Song rồi giam vào ngục A-Ti, cùm khóa mãi mãi không cho siêu-sinh.

Mấy năm gần đây, vì cuộc sinh-hoạt eo-hẹp, lại

vì phong-trào xô đẩy, các bạn thiếu-niên thường khi gặp những điều không được như ý, trong cuộc tình-duyên trắc-trở, hoặc bước công-danh muộn-mằn, không hay nghĩ xa xôi, mà lúc dận mất khôn, quên cả thân mình đối với gia-đình, với xã-hội, tự kết-cấu đời mình, định cho nhẹ nợ.

Nhưng nào có biết đâu, nợ vay kiếp trước cần phải trả cho hết, mới có thể sang được kiếp khác. Nợ không trả trên dương-thế, xuống âm-ty tất phải trả cho xong bằng những hình-phạt vừa kể ở trên.

Nếu trước khi quyên-sinh mà nghĩ đến cái nợ hiện-thời và biết đến tội-trạng sau khi chết, còn ai giám liều thân nữa.

Hội Phật-giáo thành-lập mong sẽ giúp ích cho xã-hội ta bớt được cái dịch tự-sát, hiện-thời đương lan khắp các nơi, từ kẻ chợ đến thôn-quê, trong các bạn nam-giới cũng như nữ-giới.

Vua Sở-Giang-Vương chuyên giữ điện thứ hai có ngục Hoạt-đại.

Vua Tống-Đế chuyên giữ điện thứ ba có Đại-Ngục Thắc-Thằng.

Vua Ngũ-Quan chuyên giữ điện thứ tư có ngục Hợp-Đại.

Vua Diêm-La nguyên ở điện thứ nhất, vì thương các người phạm tội phải chịu khổ-sở, thường phóng cho về dương-thế, nên phải giáng xuống điện thứ năm, giữ ngục Khiếu-Hoán.

Vua Biện-Thành-Vương chuyên giữ điện thứ sáu có ngục Đại-Khiếu-Hoán.

Vua Thái-Sơn chuyên giữ điện thứ bảy, có ngục Nhiệt-Não.

Vua Đô-Thị chuyên giữ ngục Đại-Nhiệt-Não ở điện thứ tám.

Vua Bình-Đẳng chuyên giữ ngục A-Ty điện thứ chín.

Tám ngục này chỉ chuyên gia-hình bắt các phạm-nhân phải chịu nhiều điều cực-khổ.

Những tội phần nhiều cũng giống như trên dương-thế : hoặc bất-hiếu, hoặc gian-dâm, hoặc cướp của, giết người, hoặc ăn gian, nói dối, hoặc làm cho người ta khốc-hại để lợi riêng cho mình, vân vân...

Còn các hình-cụ thì tóm tắt là những nhục-hình : nào cắt gân, gióc xương, nào khoét mắt, lột da, nào bỏ vào vạc giầu, nào bắt ngồi lên bàn chông, vân vân...

Vua Chuyển-Luân ở điện thứ mười tức là điện U-minh, chính phía đông ngoài núi Ốc-Tiêu, thẳng đối với nơi ngũ-trọc cõi thế-giới.

Những người nào công, tội cân bằng, hay công ít, tội nhiều đã chịu hết nỗi thống-khổ, sẽ được chuyển làm kiếp người. Làm trai hay làm gái, đẹp hay xấu, vất vả hay thanh-nhàn, phát đi đầu sinh vào nơi nào, đài Khu-vong sẽ điểm tên, áp giải đến tận nhà cho đầu thai làm kiếp người.

Nếu tội ác nặng-nề, phải đầy làm kiếp vật, sẽ theo luật âm-phủ tùy loài mà sinh ra. Nào loài sinh ở thai, nào loài sinh ở trứng, hoặc ở trong nước, hoặc phải biến-hóa nhiều hình, nào loài không chân, nào loài 2 chân, 4 chân, nhiều chân tùy theo tội mà đầu sinh.

Xem như thế mới biết trong khoảng vũ-trụ mênh mông này có công-lý làm cốt yếu. Công-lý là nghiệp báo tự nhiên, làm lành gặp lành, làm ác gặp ác, như bóng theo hình, như vang theo tiếng, không sai một chút nào mà không một sự hành-động nào của ta là có thể qua được mắt quỷ-thần. Dù lúc vắng người, ta muốn làm điều gì càn bậy, tuy người không biết, nhưng quỷ-thần trời đất đều có chứng-minh. Cho nên cổ-nhân rất thận-trọng ở chỗ đó. Xưa có một người dân đem của hối-lộ một ông quan. Ông quan không nhận, người dân khẩn nài mãi để quan thâu nhận cho và nói rằng: « Chỗ ấy vắng vẻ không ai biết » Ông quan đáp lại: « Tôi biết, anh biết, trời biết, đất biết, sao anh bảo là không ai biết? »

Ấy một việc ấy đủ tỏ ra rằng: Người có học đã hiểu biết nghĩa lý, đã thấu sự khổ của kiếp luân-hồi, thường bỏ hết được những tính *tham, sân, si,* lo làm điều thiện, để gây lấy nền đức cho sự-nghiệp được vững vàng, cho nòi giống khỏi phải lao đao trong cảnh lầm-than, để bồ-cứu được tội trước và khỏi tai ách quan-hình nước lửa dưới âm-cung.

Phải rũ hết tham, sân, si, vì tâm của người ta thường bị ba món ấy quấy rối, không mấy lúc được an-tĩnh.

Tâm của ta ít được an-tĩnh là vì hàng ngày ta bị hoàn-cảnh xúc-động, tâm-trí ta sinh ra buồn, vui, giận, oán, không thường. Vì vậy ta cần phải dứt hết thì tâm ta mới được an-tĩnh. Tâm đã được an-tĩnh thì gặp cảnh sầu-khổ cũng thản-nhiên; gặp sự vui mừng cũng không say mê quá độ, mà tâm có được

an-tĩnh thì trí mới sáng suốt. Trí đã sáng suốt thì hành-động việc gì cũng được viên-mãn, không có thể vì hoàn-cảnh mà thay đổi được. Huống-chi Phật tức tâm, tâm tức Phật, ta phải gây lấy cái Phật-tánh của ta, chớ để cho màn vô-minh che lấp.

Người trí-thức đã rõ cuộc đời hư-vọng vô thường, muốn thoát vòng sinh, tử, khỏi kiếp luân-hồi, cần nên ham học, tu thiện cho đến phút cuối cùng, trước giác-ngộ mình, sau giác-ngộ người, để bớt sự khổ-hạnh trong thời-đại cạnh-tranh ưu-thắng liệt-bại này.

Giác ngộ nghĩa là làm cho sáng mà nghĩa chữ Phật lại chính là giác ngộ. Giác ngộ thì không cứ tuổi nào, trường-hợp nào, ta cũng có thể làm được, mà nhất là tuổi thiếu niên lại càng dũng mãnh tinh-tiến để phá cái mê, trừ cái hại được.

Theo các sách ghi chép truyện Phật, ta thấy Phật khởi sự tu-hành từ năm 28 tuổi. Ngài khổ-hạnh từ năm 28 tuổi đến năm 35 tuổi mới thành Phật, tới năm 82 tuổi thì mất. Xem đó thì Phật dùng toàn cái tuổi hăng-hái hoạt-động nhứt của đời người để lo về đường tu-luyện. Nhờ thế mà sau mới đắc đạo, được vào cõi Nát-bàn, thảnh thơi ở ngoài tạo-hóa và tiêu-giao ở nơi bất sinh, bất diệt.

Nói đến tu, phần nhiều người tưởng lầm là chỉ ngày rằm, ngày mùng một, đến chùa lễ phật, miệng niệm phật, tay lần tràng hạt, mới gọi là tu, phải thế phát, phải ăn chay, mới gọi là tu.

Vì vậy mà ngày nay việc tu-luyện chỉ riêng phái Tăng-ni mà trong các tăng-đồ, trừ một ít người có tuệ-ngộ từ lúc còn nhỏ, quy y đầu Phật, tiếng

chuông, giọng mõ đã tạo nên một cái tâm-hồn tu-sĩ, mà dần dần lớn lên, chỉ biết một việc tu-hành. Còn phần nhiều vì thất vọng, hoặc vì buồn bực, đã đến cái tuổi hết hoạt động, không thể chống nổi với hoàn-cảnh, để đạt dục vọng của mình, mới quay về đầu Phật. Rồi đó trống sớm, chuông chiều, nghê nga kinh-kệ, cho qua ngày đoạn tháng.

Hoặc ngoài các tăng-ni, cũng có người tu-đạo, song đều đã đến lúc mỏi gối, khòm lưng, không còn tài-sức để phấn-đấu với đời nữa, mới nương mình cửa Phật.

Xem như thế thì người dốc lòng theo phép Phật để tu thiện rất ít, cho nên Hội Phật-giáo lập ra, mục-đích cốt để truyền-bá đạo-lý của đức Thế-Tôn, muốn cho ai ai cũng chiêm-ngưỡng sự hành-vi của ngài, để đem những sự hành-vi ấy ra ứng dụng với đời.

Nhưng đạo Phật rất siêu-việt, đạo-lý rất cao-thâm, khó hiểu, cho nên Phật Thích-ca sau khi đắc đạo không chịu đem ra truyền-bá ngay. Ngài nghĩ : đạo Phật cao sâu quá, nếu đem ra giảng giậy ngay, người đời đâu đã hiểu được. Đã không thấu được đạo-lý, sẽ mê hoặc, mà không tin theo, rồi sinh ra phỉ báng, xa vào ác-đạo.

Vì vậy Phật định chờ theo trình-độ chúng-sinh mà thuyết-pháp. Phật bắt đầu truyền đạo cho năm thầy xa-môn trước kia chịu khổ-hạnh cùng tu với ngài.

Rồi sau dần dần đạo Phật phổ-cập cho đến ngày nay lan khắp trên mặt địa-cầu.

Vậy nên chúng tôi tuân theo phương-pháp của

đức Phật-tổ : công việc lúc ban đầu chúng tôi hết sức chỉnh-đốn, rồi cứ tuần-tự nhi tiến, mong ngày càng chuyển mê, khai ngộ được nhiều người : ấy là hi-vọng của chúng tôi mà có nhẽ các ngài đây cũng đồng-ý với chúng tôi ở chỗ ấy vậy.

Thưa các ngài,

Chúng ta tòn-sùng đạo Phật là tôn-sùng cái chân-lý đạo Phật. Chân-lý đạo Phật là gồm phương-pháp chính-tâm, duyệt-dục, từ-bi, bác-ái. Còn tụng kinh, niệm Phật chỉ là tỏ lòng sùng-tín đạo Phật mà thôi, chứ không phải nhờ thế mà gây nên thiện-nghiệp.

Chính Phật vẫn cho sự ham mê cúng bái bề ngoài có thể làm cho đạo-tâm mờ ám mà lúc sinh-tồn Phật vẫn thuyết-pháp không muốn cho các tín-đồ đi vào con đường dị-đoan lễ bái. Ta hãy xem ngài dậy trong kinh Đại-niết-bàn « Nếu ai muốn giải thoát, cứ tu trong tâm là đủ, còn cúng lậy Phật, hay lạy ai, mà mong được giải-thoát, không khi nào đạt được ».

Nhời nói chí-lý thay của đức Giáo-tổ ! Phải ! đạo Phật gốc ở sự làm điều lành, tránh điều ác, còn sự lễ bái là cốt cho tâm người ta được an-tĩnh mà nghĩ làm điều thiện.

Vậy thì trước hết ta phải thờ cái Tâm ta, vì Tâm tức Phật, Phật tức Tâm vậy.

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

CÁC BÁO-CHÍ ĐỐI VỚI CUỘC DIỄN-THUYẾT NÀY

Báo Đông-Pháp ngày thứ sáu 21 Juin 1935

Ông Tấu với « Thuyết Luân-hồi »

« Tối hôm thứ bảy 15 Juin 1935, vào hồi tám giờ, chùa Quốc-công phố Bắc-hòa, xưa nay vẫn âm-thầm lặng-lẽ, trừ ra những tiếng mõ sớm, chuông chiều, câu kinh, tiếng kệ, bỗng thấy trở nên náo-nhiệt lạ thường.

« Ngoài cửa chùa, một rãy đèn máy sáng choang, trong chùa, kẻ ra người vào tấp-nập : nào sư, nác vãi, nào hội-viên, nào các quan-chức và thân-hào trong hàng tỉnh.

« Sau khi giới-thiệu ông Tấu với hơn hai trăm thính-giả, ngồi trên những hàng ghế kê sát nhau, ông Vũ-huy-Xứng ngồi xuống để ông Tấu bắt đầu nói truyện với thính-giả về « Thuyết Luân-hồi ».

« Ông Tấu mở đầu tự thú mình chưa đủ học-lực để bàn những vấn-đề huyền-bi của đạo Phật, nên ông xin thính-giả lấy lòng từ-bi quảng-đại của nhà Phật mà bỏ qua những điều khuyết-điểm trong bài diễn-thuyết của ông. — Sau ông nói đến hiện-tình xã-hội ta, nào luân-lý đồi-bại, phong-hóa suy-đồi, thiếu-niên đua nhau vào trong vòng truy-lạc. Rồi ông đem « Thuyết Luân-hồi » của đạo Phật ra diễn giảng rất kỹ-càng ; ông kết-luận rằng : « Thuyết Luân-hồi » cũng rất có ảnh-hưởng xâu-xa về luân-lý và phong-tục của một phần đông đám dân ngu, vì sợ tội với Diêm-vương ở Địa-ngục, hoặc vì sợ kiếp sau, phải làm thân trâu ngựa, nên cũng bớt được vài phần độc-ác trên thế-gian.

« Diễn-giả còn nói đến lòng dục-vọng của người ta, rồi đến tam-quy, ngũ-giới của nhà Phật.

« Ông kết luận rằng: ai ai cũng nên bỏ những tính Tham,

Sàn, Si, cho tâm được an-tĩnh, mà lo làm điều lành, tránh điều ác, để gây lấy cái nghiệp tốt cho kiếp sau ; phải thờ cái tâm mình, vì Tâm tức Phật, Phật tức Tâm vậy.

« Tiếng vỗ tay hoan-nghênh nổi dậy khi ông Tấu ngồi xuống ».

Báo *Tiếng-Dân* ngày thứ bẩy 13 Juillet 1935.

Lại diễn-thuyết Phật-học.

Phong-triều Phật-giáo gần đây sôi nổi khắp nơi. Ngày 15 Juin 1935 ở Hưng-yên, tại chùa Quốc-Công, phố Bắc-Hòa, ông Trịnh-như-Tấu, một nhà thiếu-niên diễn-thuyết về « *Thuyết Luân-Hồi* » thính-giả tới nghe rất đông.

Báo France-Indochine ngày thứ năm 20 Juin 1935

Conférence Bouddhique

« Monsieur Trinh-Nhu-Tâu, Secrétaire des Résidences à Hung-Yên, a fait le Samedi 15 courant à vingt heures, à la pagode de la Rue de Bac-Hoa (Hung-Yên), une remarquable causerie sur les « Lois de la Métempsycose ». Un public choisi et nombreux y assistait. Le conférencier, d'une voix bien timbrée, a su charmer pendant une heure toute l'assistance où dominait l'élément féminin. Et c'est au milieu des applaudissements nourris de la salle que notre jeune et brillant conférencier descendit de sa tribune.

« M. Tâu, au début de sa causerie, parle de l'abaissement de la moralité, de la recrudescence de la criminalité, de la dégénérescence des mœurs, et les attribue au développement irraisonné de l'épicurisme. Pour relever le niveau moral du peuple, M. Tâu propose de faire appel à la religion, cette religion est sans aucun doute le bouddhisme, puisque dans presque tous les villages annamites, l'on adore Bouddha dans les pagodes. Le bouddhisme est une religion très belle ; il exerce sur la vie du peuple une influence profonde. C'est ainsi qu'on assiste aujourd'hui à une véritable renaissance de cette religion ; il se produit en quelque sorte un réel mouvement en faveur de cette religion dans tout l'Annam-Tonkin. Les associations bouddhiques qui ont vu le jour depuis quelque temps, un

peu partout, se sont proposé pour but d'orienter les hommes égarés dans la bonne voie, de régénérer les mœurs dépravées, d'apprendre aux gens à agir de telle sorte qu'ils puissent échapper aux répercussions des « Lois de la Métempsycose ».

« Les Lois de la Métempsycose », c'est l'essence même de la religion bouddhique. D'après cette religion, notre vie présente est étroitement liée à notre vie antérieure et exerce une influence sur notre vie postérieure. Tel méchant mène une vie heureuse, pourquoi ? — c'est parce que durant sa vie antérieure, il a pu accomplir des bienfaits, c'est seulement dans sa vie future qu'il devra expier tous les forfaits qu'il a perpétrés durant sa vie présente.

« Au contraire, beaucoup de gens honnêtes mènent une vie malheureuse, pourquoi ? — C'est parce que dans leur vie antérieure, ils ont commis trop de crimes ; ces crimes, ils doivent les expier dans leur vie présente ; leur honnêteté actuelle a seulement des répercussions sur leur vie postérieure. Donc c'est de nos actes que dépend notre destinée. Pour conduire l'humanité vers plus de bonheur, Bouddha propose comme principes de vie six Sampans, à savoir : 1° Les aumônes ; 2° La douceur qui enseigne qu'il ne faut pas : a/ martyriser les animaux, — b/ commettre des vols, c/ commettre des adultères, — d/ tromper autrui, — e/ boire de l'alcool ; — 3° La patience à supporter tous les malheurs de la vie ; — 4° Le calme qui fait concentrer toute l'attention sur un sujet déterminé ; — L'effort à penser et à faire du bien ; — 6° La connaissance du monde extérieur. — Si l'homme, suit de tels principes pour se conduire dans la vie présente, il sera certain d'être heureux dans sa vie postérieure. L'homme, à sa mort, peut-il passer immédiatement à une autre vie ? — D'après la religion bouddhique, l'homme, après sa mort, selon qu'il a été bon ou méchant, peut passer immédiatement à une autre vie, ou doit subir des châtiments dans les Enfers avant de passer à une autre vie d'homme ou d'animal. L'âme du méchant, après avoir subi les tortures infernales, est autorisée à remonter au monde pour changer en une autre vie. Si le poids des cri-

mes est jugé trop lourd, l'âme du méchant est condamnée à transmigrer en une vie inférieure de vertébrés ou d'invertébrés,

« Dans sa péroraison, M. Tâu attire l'attention de son auditoire sur le zèle purement extérieur de certains faux dévots, sur la nécessité d'examiner en toutes circonstances sa conscience, son Cœur, car le Cœur c'est Bouddha, et Bouddha c'est le Cœur.

« Nul n'ignore que M. Trinh-Nhu-Tau, auteur de cette longue étude sur les Lois de la Métempsycose, a encore composé plusieurs ouvrages très intéressants sur l'Histoire d'Annam et sur la Monographie de Hung-yên, qui ont été adoptés par la Commission des Manuels scolaires ; il a écrit aussi des pièces de théâtre qui furent fort goûtées du public de Hung-yên. Ce jeune talent, croyons-nous, autorise tous les espoirs.

« En terminant ce compte-rendu, nous lui adressons nos chaleureuses félicitations pour le succès éclatant qu'a remporté sa belle conférence ».

Tạp-chí « Le Canard Déchaîné » số 20 ngày 29 Juin 1935

Le Bouddhisme

Un nombreux auditoire composé de hautes personnalités de la province et où dominait l'élément féminin, a été réuni le 15 Juin par l'Association bouddhique de Hung-yên, dans son local de la rue Général Marchand, pour entendre une conférence qui a pour sujet : « Le Bouddhisme et les Lois de la Métempsycose ». — L'orateur, M. Trinh-Nhu-Tau, Secrétaire des Résidences et Secrétaire de la dite Association, a charmé durant une heure toute l'assistance et ce fut au milieu des applaudissements nourris de la foule que le jeune conférencier descendit de la tribune.

M. Tau commence d'abord par rappeler dans quelles circonstances s'est constituée l'Association bouddhique ».

Il étudie avec beaucoup de soin la vie de Bouddha, analyse son enseignement dans sa forme et son fonds, en

tire quelques citations qu'il encadre dans un commentaire où le bon goût l'arrête toujours au bord d'une grande admiration.

Pour faire mieux comprendre au public les Lois de la Métempsycose, essence même de la religion bouddhique, il fait appel à la vie courante des hommes. — Ainsi d'après cette religion, notre vie présente est étroitement liée à notre vie antérieure et a une grande répercussion sur la vie postérieure. Tel méchant mène une vie heureuse, parce que durant sa vie antérieure, il a pu accomplir des bienfaits et c'est seulement dans sa vie future qu'il devra expier tous les forfaits qu'il a commis durant sa vie présente ».

« C'est donc de nos actes que dépend notre destinée.

« M. Tau parle encore des châtiments infernaux, de la transmigration des âmes dans le corps des vertébrés ou invertébrés, de la série des déductions logiques, des règles à suivre pour conserver la pureté du cœur, etc... »

« A chacun de ses jugements, il joint ses avis motivés et réussit finalement à donner à l'auditoire une idée très exacte des Lois de la Métempsycose.

« Après avoir proclamé que les prières et les lays loin de pouvoir constituer le « Noyau du bonheur » pour la vie future — autorisent seulement la tranquillité de la conscience pour permettre à l'homme de songer à faire du bien, — le conférencier termine en attirant l'attention de l'assistance sur la nécessité d'examiner en toutes circonstances sa conscience, son cœur, et en faisant savoir que ce qu'on doit adorer en première ligne, c'est son cœur, parce que le Cœur, c'est Bouddha, et Bouddha, c'est le Cœur *(Phật tức Tâm, Tâm tức Phật)* ».

« Cette conférence a été écrite avec une fertilité, une simplicité, une aisance, une clarté qui en font ressortir la riche documentation. »

HẾT

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE RF IMPRIMÉS

Certifié conforme au tirage
de 1000 exemplaires
Hanoi le 12 août 1931

NGUYÊN-HUU-NHU
LE-THANH-GIAI